

Số: 15/2010/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 09 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng
kinh phí khuyến công tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 20/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;


Căn cứ Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012;

Xét đề nghị của Liên ngành Công Thương - Tài chính tại Tờ trình số 164/TTr/LN/CT-TC ngày 12 tháng 3 năm 2010 về việc ban hành quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Hưng Yên.

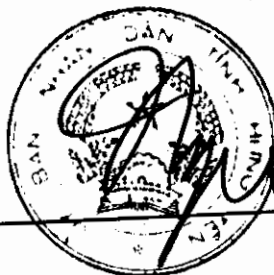
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 50/2005/QĐ-UB ngày 01/7/2005 của UBND tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, KTTH



Nguyễn Văn Cường

**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 / 2010/QĐ-UBND
ngày 11/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích của hoạt động khuyến công

1. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
2. Thúc đẩy phát triển nghề truyền thống, du nhập nghề mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp nông thôn của tỉnh.
3. Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Điều 2. Đối tượng được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn tại các huyện, thị xã, thị trấn, xã trong tỉnh (gọi tắt là cơ sở công nghiệp nông thôn), bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
2. Các tổ chức làm dịch vụ khuyến công, gồm: Trung tâm khuyến công, cơ sở đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công

1. Quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công phải theo đúng qui định của Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương về hướng dẫn việc quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công, Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt

Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012, các qui định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

2. Sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; quyết toán kinh phí đã sử dụng theo đúng các qui định hiện hành của nhà nước.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguồn kinh phí khuyến công

Kinh phí khuyến công của tỉnh được hình thành từ các nguồn sau:

1. Ngân sách nhà nước;
2. Hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia;
3. Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
4. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo qui định của pháp luật.

Điều 5. Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp nông thôn tại huyện, thành phố, thị xã, thị trấn và xã được hưởng kinh phí khuyến công đối với các ngành nghề sau:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản;
2. Sản xuất sản phẩm dệt, may, da, giày, thêu, thảm .v.v...
3. Sản xuất sản phẩm gốm, sứ, thủy tinh, vật liệu xây dựng;
4. Sản xuất sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ;
5. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động;
6. Sản xuất sản phẩm mới, hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;
7. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp;
8. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh;
9. Quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề ở nông thôn.

Điều 6. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng và ngành nghề được hỗ trợ kinh phí từ chương trình khuyến công khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có đề án khuyến công được lập theo quy định. Nội dung Đề án phù hợp với nội dung Chương trình khuyến công;
2. Có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khuyến công của cơ quan có thẩm quyền;
3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ);
4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi của Chương trình khuyến công hỗ trợ trong cùng một năm.

Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

1. Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề:

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề (chủ yếu là tại chỗ), ngắn hạn (dưới 1 năm), gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn;

- Chi đào tạo thợ giỏi, Nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ Giảng viên phục vụ Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề ở nông thôn.

2. Chương trình nâng cao năng lực quản lý:

- Chi biên soạn Chương trình, Giáo trình, tài liệu khởi sự, quản trị doanh nghiệp công nghiệp nông thôn có nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế và đối tượng đào tạo;

- Chi đào tạo cán bộ của các tổ chức dịch vụ khuyến công để có đủ năng lực tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo của chương trình (đào tạo giảng viên);

- Chi tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp nông thôn;

- Chi tổ chức hội thảo, giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ mới và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp cho cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Chi tổ chức, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các khoá học, hội thảo; khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước;

- Chi tư vấn, hỗ trợ lập dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh để thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp mới thành lập.

3. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật:

- Chi điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyên giao;

- Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn trong các lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp để khuyến khích hiện đại hoá công nghệ truyền thống: sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông sản; chế biến nguyên liệu, đặc biệt là quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu phân tán để cung cấp cho các cơ sở công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp;

- Chi hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường.

4. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu:

- Chi xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước;

- Chi xây dựng và ban hành Quy chế bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng ở cấp xã, huyện, tỉnh;

- Chi tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh;

- Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói... để tạo ra những sản phẩm đạt được cấp cao hơn;

- Chi tổ chức hoặc tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn; hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn trong và ngoài tỉnh. Xây dựng, đăng ký thương hiệu và các hoạt động xúc tiến thương mại;

- Chi khen thưởng cho nghệ nhân đạt danh hiệu nghệ nhân cấp quốc gia, cấp tỉnh.

5. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin:

- Chi hỗ trợ hoạt động tư vấn khuyến công trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn;

- Chi hỗ trợ các hoạt động tư vấn khuyến công, gồm: Điểm tư vấn cố định; tư vấn trực tiếp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; tư vấn qua mạng internet và các phương tiện thông tin đại chúng;

- Chi xây dựng trung tâm dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn, mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công từ tỉnh đến các huyện, xã;

- Chi xây dựng các Chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác.

6. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm - điểm công nghiệp:

- Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

- Chi hỗ trợ hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp.

7. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công:

- Chi nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công;

- Chi xây dựng Chương trình, kế hoạch khuyến công hàng năm và từng giai đoạn; chi công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công; chi khen thưởng trong lĩnh vực hoạt động khuyến công;

- Chi cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại;

- Chi xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công;

- Chi vốn đối ứng cho các Dự án, Đề án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công.

Điều 8. Mức chi hỗ trợ kinh phí khuyến công

Mức chi cho hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể một số mức chi như sau:

1. Một số mức chi chung: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 khoản 1 Thông tư 125/TTLT/BTC-BCT và các quy định hiện hành liên quan khác của nhà nước.

2. Một số mức chi đặc thù:

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp và có tính quyết định đến công nghệ mới hoặc sản phẩm mới; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng/mô hình;

- Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý môi trường, bao gồm: máy móc thiết bị hiện đại, cung cấp tài liệu, bí quyết kỹ thuật; tư vấn quản lý công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh, hướng dẫn thực hiện các quy trình công nghệ được chuyển giao; đào tạo, huấn luyện nâng cao trình độ cho cán bộ, công nhân để nắm vững và vận hành công nghệ được chuyển giao; thuê chuyên gia; mua tài liệu nghiên cứu phục vụ công việc chuyển giao; mua nguyên vật liệu để sản xuất thử. Mức hỗ trợ tối đa 30% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ được chuyển giao nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở;

- Chi xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hoá truyền thống của địa phương, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước. Mức chi tối đa không quá 10 triệu đồng/tiêu chuẩn sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm;

- Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 7 triệu đồng/lần (đối với cấp xã), 15 triệu đồng/lần (đối với cấp huyện), 50 triệu đồng/lần (đối với cấp tỉnh);

- Chi hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu trong nước cấp tỉnh, khu vực, quốc gia. Mức hỗ trợ tối đa 40% chi phí thuê gian hàng và 100% chi phí vận chuyển;

- Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 35% chi phí, nhưng mức tối đa không quá 30 triệu đồng/thương hiệu;

- Chi hỗ trợ cho cơ sở công nghiệp nông thôn thuê tư vấn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; đất đai; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 35% chi phí thuê tư vấn, nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/cơ sở;

- Chi thành lập điểm tư vấn khuyến công có điều kiện thành lập theo quy định của Bộ Công Thương, bao gồm chi phí: mua sắm tài liệu, trang thiết bị và dụng cụ phục vụ cho hoạt động của các điểm tư vấn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở;

- Chi hỗ trợ xây dựng mạng lưới cộng tác viên khuyến công, bao gồm: khảo sát vận động nhân sự tham gia mạng lưới; lập đề án xây dựng mạng lưới; dự thảo điều lệ hoạt động của mạng lưới; tổ chức hội nghị ra mắt mạng lưới; tập huấn đào tạo cộng tác viên. Mức hỗ trợ 35% chi phí xây dựng mạng lưới cộng tác viên

nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công cấp tỉnh;

- Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng;

- Chi hỗ trợ để thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết cấp tỉnh. Mức hỗ trợ 25% chi phí thành lập nhưng tối đa không vượt quá 30 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp tỉnh;

- Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 35% chi phí hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp nhưng không vượt quá 100 triệu đồng cho một cụm liên kết;

- Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm ở nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Quy trình lập, xét duyệt, triển khai thực hiện Đề án khuyến công

1. Các đối tượng được quy định tại Điều 2 và có đủ điều kiện như quy định tại Điều 6 quy định này, đều được xét hỗ trợ từ kinh phí khuyến công. Các tổ chức cá nhân có nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công đăng ký với phòng Công Thương huyện, phòng Kinh tế thành phố, các tổ chức dịch vụ khuyến công. Phòng Công Thương huyện, phòng Kinh tế thành phố tổng hợp báo cáo UBND huyện và gửi Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại.

2. Sở Công Thương tổng hợp và lập Dự toán kế hoạch kinh phí khuyến công cùng thời điểm lập dự toán ngân sách, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Căn cứ dự toán kinh phí khuyến công được giao, Sở Công Thương thực hiện lập Dự toán chi tiết phân bổ theo đơn vị và nội dung gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Các đơn vị được lựa chọn hỗ trợ kinh phí khuyến công lập 04 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ và gửi về Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại hướng dẫn cụ thể nội dung, trình tự lập hồ sơ).

5. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại chủ trì thẩm định các hình thức, mức hỗ trợ và trình Sở Công Thương phê duyệt.

6. Sở Công Thương ra quyết định hỗ trợ cho từng đơn vị được hỗ trợ hoặc thông báo bằng văn bản cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại nếu đơn vị không được hỗ trợ.

7. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các đơn vị được hỗ trợ triển khai thực hiện các đề án khuyến công.

8. Đơn vị được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định và nội dung hồ sơ đã được phê duyệt, phát huy hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước.

Điều 10. Nội dung Đề án khuyến công

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết của Đề án: Lý do và sự cần thiết triển khai thực hiện Đề án.
3. Mục tiêu: Nêu những yêu cầu của Đề án cần đạt được. Các mục tiêu phải rõ ràng, cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế của cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.
4. Qui mô Đề án: Nêu các hoạt động chính của Đề án (vốn, thiết bị, công nghệ, nhà xưởng, mặt bằng, lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội...).
5. Nội dung và tiến độ: xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện.
6. Dự toán kinh phí: xác định tổng kinh phí cho Đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn kinh phí khuyến công hỗ trợ; kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng; nguồn khác (nếu có).

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quản lý kinh phí khuyến công

1. Sở Công Thương:

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Lập dự toán kinh phí thực hiện công tác khuyến công phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách địa phương;
- Lập dự toán chi tiết phân bổ theo đơn vị và nội dung gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- Ra quyết định hỗ trợ kinh phí; theo dõi, giám sát, kiểm tra định kỳ, đột xuất đơn vị thực hiện Đề án khuyến công;
- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác khuyến công trên địa bàn theo qui định;
- Là đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công của địa phương.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện công tác khuyến công do Sở Công Thương lập, báo cáo UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định;
- Phối hợp với Sở Công Thương thẩm định dự toán chi tiết theo nội dung và đơn vị thực hiện kế hoạch khuyến công trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án khuyến công;
- Thẩm định báo cáo quyết toán kinh phí khuyến công hàng năm của Sở Công Thương.

3. UBND huyện, thành phố:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công của huyện, thành phố;
- Chỉ đạo Phòng Công Thương huyện, phòng Kinh tế thành phố hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án khuyến công trên địa bàn; xem xét lựa chọn, lập danh sách các Đề án và tổng hợp Dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Công Thương; phối hợp với Sở Công Thương theo dõi, giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện Đề án khuyến công.

4. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh;
- Quan hệ, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, tài trợ kinh phí khuyến công;
- Là đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công có trách nhiệm hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ Đề án trình Sở Công Thương phê duyệt;
- Phối hợp với phòng Công Thương, phòng Kinh tế các huyện, thành phố hướng dẫn tổ chức, cá nhân xây dựng, triển khai thực hiện Đề án khuyến công;
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình thực hiện các Đề án khuyến công với Sở Công Thương;
- Cuối năm tài chính, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành. Kinh phí khuyến công do ngân sách cấp nếu chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được để lại sử dụng trong năm tiếp theo.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án khuyến công:

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí có hiệu quả, tiết kiệm, đúng qui định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án;

- Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ; báo cáo kết quả thực hiện về Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại sau khi thực hiện. Trong trường hợp không thể thực hiện được Đề án, phương án đã nêu trong hồ sơ, phải hoàn trả lại khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận;

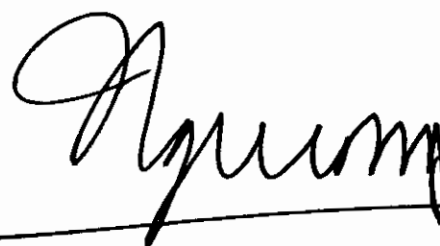
- Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về Đề án khuyến công theo qui định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn, giúp đỡ tổ chức, cá nhân lập hồ sơ, phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo qui định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh. Trường hợp sử dụng sai mục đích hoặc làm thất thoát, thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cường